TÒA ÁN ND QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 27/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2019 về việc "Ly hôn" giữa:

***Nguyên đơn: Anh Nguyễn Phương N**; sinh năm 1970

Hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: Ngõ 26 phố L, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội.

***Bị đơn: Chị Kiều Thị N**; sinh năm 1971

Hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: Ngõ 26 phố L, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Anh Nguyễn Phương N và chị Kiều Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 29/8/1991 (số 80, quyển số 01-1991) tại Uỷ ban nhân dân phường B, quận H, Thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc, đến nay tình cảm không còn nên anh N làm đơn xin ly hôn, chị N cũng đồng ý ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội; Việc anh chị thỏa thuận nuôi con chung tên là Nguyễn Tuấn M sau khi ly hôn cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Anh Nguyễn Phương N và chị Kiều Thị N.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 26/10/1991 và Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 28/9/2004.

Cháu Nguyễn Tuấn A đã trưởng thành, việc cháu ở với bố hay mẹ do cháu tự quyết định.

Sau khi ly hôn, anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tuấn M. Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 07/2019 đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị Ngọc có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Động sản và bất động sản: Anh chị không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xét.

- Công nợ: Anh chị không nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xét.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đồng: Anh Nguyễn Phương N tự nguyện chịu cả được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0002942 ngày 01/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, số tiền còn lại 150.000đồng anh N tự nguyện sung vào công quỹ Nhà nước.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND quận Hoàn Kiếm;
- UBND phường Hàng Bài;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hiền Hòa